TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY THAN HẠ LONG - TKV

BẢNG TÍNH VÀ THANH TOÁN LƯƠNG KHỐI VĂN PHÒNG

Đơn vị: 12-Phòng Tổ chức - Lao động tiền lương

Tháng 11 năm 2019

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP			Lương Chủ nhật		Lương phép		Lương 100%		Giờ PN	PC trách nhiệm		Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ								Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Lương	Công	Lương	Công	Lương	Công	Lương		HS	Tiền		BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Phí ở chung cư	Tham quan	Thuế TNCN			
1	**01**	**Tổ quản lý**			**75**		**45.817.550**	**2**	**854.000**	**11**	**3.270.808**	**4**	**1.233.116**	**106.909**	**0,30**	**447.000**	**51.729.383**	**2.565.100**	**481.100**	**320.900**	**517.300**	**220.000**		**2.000.000**	**600.000**	**6.704.400**	**45.024.983**	
1	HL-00027	Trần Hoàng Dương	Trưởng phòng	7.882.000	16	A	12.306.300					1	303.154				12.609.454	630.600	118.300	78.900	126.100	55.000		2.000.000	600.000	3.608.900	9.000.554	
2	HL-00028	Đặng Thị Miều	Phó phòng	8.865.000	21	A	11.973.800					1	340.962	106.909			12.421.671	709.300	133.000	88.700	124.200	55.000				1.110.200	11.311.471	
3	HL-00029	Nguyễn Văn Thỏa	Phó phòng	6.843.000	20	A	10.665.650	1	427.000	5	1.315.962	1	263.192		0,30	447.000	13.118.804	547.500	102.700	68.500	131.200	55.000				904.900	12.213.904	
4	HL-03444	Nguyễn Hoài An	Phó phòng	8.471.000	18	A	10.871.800	1	427.000	6	1.954.846	1	325.808				13.579.454	677.700	127.100	84.800	135.800	55.000				1.080.400	12.499.054	
2	**08**	**Tổ chuyên viên**			**372**		**143.571.600**	**5**	**1.524.000**	**29**	**6.032.999**	**18**	**4.234.344**	**392.513**			**155.755.456**	**9.309.700**	**1.746.300**	**1.164.800**	**1.557.500**	**1.045.000**	**443.000**			**15.266.300**	**140.489.156**	
5	HL-00197	Hoàng Văn Chính	Chuyên viên	7.892.000	21	A	8.779.900	1	352.000			1	303.538				9.435.438	631.400	118.400	79.000	94.400	55.000				978.200	8.457.238	
6	HL-00030	Đặng Văn Tuyên	Chuyên viên	6.264.000	21	A	7.332.100	2	586.000			1	240.923				8.159.023	501.200	94.000	62.700	81.600	55.000				794.500	7.364.523	
7	HL-00077	Đoàn Duy Kháng	Chuyên viên	6.264.000	21	A	7.332.100					1	240.923				7.573.023	501.200	94.000	62.700	75.700	55.000				788.600	6.784.423	
8	HL-00455	Nguyễn Thị Bích Hà	Chuyên viên	5.966.000	21	A	7.332.100					1	229.462	65.465			7.627.027	477.300	89.500	59.700	76.300	55.000				757.800	6.869.227	
9	HL-02660	Lê Viết Quốc Anh	Chuyên viên	5.154.000	16	A	7.332.100			7	1.387.615	1	198.231				8.917.946	412.400	77.400	51.600	89.200	55.000				685.600	8.232.346	
10	HL-00088	Lê Bá Duy	Chuyên viên	6.264.000	21	A	8.779.900					1	240.923				9.020.823	501.200	94.000	62.700	90.200	55.000				803.100	8.217.723	
11	HL-01771	Nguyễn Hạnh Lâm	Chuyên viên	7.158.000	21	A	7.332.100					1	275.308	65.465			7.672.873	572.700	107.400	71.600	76.700	55.000				883.400	6.789.473	
12	HL-02627	Nguyễn Ngọc Hiếu	Chuyên viên	5.154.000	21	A	7.332.100					1	198.231				7.530.331	412.400	77.400	51.600	75.300	55.000				671.700	6.858.631	
13	HL-00318	Trần Thị Hải Ninh	Chuyên viên	6.264.000	21	A	8.779.900					1	240.923	78.392			9.099.215	501.200	94.000	62.700	91.000	55.000				803.900	8.295.315	
14	HL-01770	Nguyễn Thị Hương	Chuyên viên	6.264.000	12	A	5.802.600							60.444			5.863.044	501.200	94.000	62.700	58.600	55.000				771.500	5.091.544	
15	HL-03133	Vũ Hoàng Phúc	Chuyên viên	5.154.000	16	A	7.332.100			8	1.585.846	1	198.231	57.282			9.173.459	412.400	77.400	51.600	91.700	55.000				688.100	8.485.359	
16	HL-00480	Vũ Trọng Tiếng	Chuyên viên	5.682.000	21	A	7.332.100					1	218.538				7.550.638	454.600	85.300	56.900	75.500	55.000				727.300	6.823.338	
17	HL-03206	Nguyễn Văn Thịnh	Chuyên viên	5.682.000	17	A	7.332.100			7	1.529.769	1	218.538				9.080.407	454.600	85.300	56.900	90.800	55.000	443.000			1.185.600	7.894.807	
18	HL-05128	Nguyễn Văn Hiền	Chuyên viên	7.892.000	21	A	7.332.100					1	303.538				7.635.638	631.400	118.400	79.000	76.400	55.000				960.200	6.675.438	
19	HL-01923	Trần Trung Dũng	Chuyên viên	5.682.000	21	A	8.779.900					1	218.538				8.998.438	454.600	85.300	56.900	90.000	55.000				741.800	8.256.638	
20	HL-03523	Đinh Việt Hà	Chuyên viên	6.264.000	21	A	7.332.100					1	240.923				7.573.023	501.200	94.000	62.700	75.700	55.000				788.600	6.784.423	
21	HL-00166	Mã Thành Trung	Chuyên viên	5.682.000	17	A	7.332.100	1	293.000	7	1.529.769	1	218.538				9.373.407	454.600	85.300	56.900	93.700	55.000				745.500	8.627.907	
22	HL-00193	Lê Thị Hải Yến	Chuyên viên	6.264.000	21	A	7.332.100					1	240.923	65.465			7.638.488	501.200	94.000	62.700	76.400	55.000				789.300	6.849.188	
23	HL-02703	Nguyễn Trung Đức	Chuyên viên	5.411.000	21	A	7.332.100	1	293.000			1	208.115				7.833.215	432.900	81.200	54.200	78.300	55.000				701.600	7.131.615	
Tổng cộng					**447**		**189.389.150**	**7**	**2.378.000**	**40**	**9.303.807**	**22**	**5.467.460**	**499.422**	**0,30**	**447.000**	**207.484.839**	**11.874.800**	**2.227.400**	**1.485.700**	**2.074.800**	**1.265.000**	**443.000**	**2.000.000**	**600.000**	**21.970.700**	**185.514.139**	

Quảng Ninh, ngày 24 tháng 12 năm 2019

LẬP BIỂU	PHÒNG TCLĐ	KẾ TOÁN TRƯỞNG	P.GIÁM ĐỐC
Mã Thành Trung	**Nguyễn Văn Thỏa**	**Đặng Thanh Lam**	**Phạm Văn Hùng**